

Đơn vị: trường MN Quang Trung

Chương: 622

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THƯỜNG XUYỀN NĂM 2025
KINH PHÍ THỰC HIỆN NQ 05/2022/NQ-HĐND VÀ NQ 01/2023Q-HĐND CỦA HĐND
THÀNH PHỐ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định 4415/QĐ-UBND ngày 05/6/2025, QĐ số 5836/QĐ-UBND ngày 27/6/2025

của UBND huyện An Lão)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh, bổ sung
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	



Số TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh, bổ sung
3	Chi sự nghiệp giáo dục	1.288.154.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Trong đó: + Bổ sung chi lương và các khoản theo lương	126.000.000
	+ Chi QLHC, chuyên môn, nghiệp vụ...	20.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	+ Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập kỳ 1 năm học 2024-2025	
	+ Kinh phí hỗ trợ ăn trưa kỳ 2 năm học 2024-2025	
	+ Hỗ trợ học phí theo NQ 54/2019/NQ-HĐND	
	+ Hỗ trợ học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	
	+ Kinh phí gia hạn phần mềm QLCB, kế toán, QL tài sản	
3.3	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	
	+ Kinh phí thực hiện tăng mức lương cơ sở	
	+ Điều chỉnh giảm kinh phí tăng lương cơ sở	
	+ Kinh phí thực hiện theo NQ 05/NQ-HĐND (tăng thu nhập của TP 6 tháng cuối năm 2024)	1.142.154.000
3.4	+ Kinh phí thực hiện quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	



Ngày 01 tháng 7 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Hương